DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: VĂN PHÒNG HĐND; VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
PHÒNG THI SỐ 01

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
001	Đinh Việt Anh	17/5/1997	Nữ	Mường	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp	Người DTTS	Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND
002	Lê Hải Đăng	04/7/1994	Nam	Kinh	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND
003	Đỗ Thiện Hòa	10/5/1984	Nam	Kinh	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp	Con TB	Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND
004	Đinh Lê Trà My	29/9/1989	Nữ	Mường	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp	Người DTTS	Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND
005	Cao Lan Phương	26/3/1995	Nữ	Kinh	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND
006	Nguyễn Như Quỳnh	13/8/1995	Nữ	Kinh	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND
007	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/6/1991	Nữ	Kinh	Theo dõi đất đai, tài nguyên môi trường	2.2.2	Phòng Tổng hợp	Con TB	Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND
008	Lê Ngọc Tân	05/10/1994	Nam	Kinh	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND
009	Đỗ Tuấn Vũ	23/7/1993	Nam	Kinh	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND
010	Vũ Thanh Xuân	24/3/1997	Nam	Kinh	Theo dõi công tác kinh tế ngân sách	2.2.2	Phòng Tổng hợp		Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND
011	Lương Thị Chựng	10/3/1992	Nữ	Thái	Quản lý thông tin - truyền thông	23.2.39	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS	UBND huyện Quan Sơn	Văn hóa

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
012	Chu Việt Minh Dương	15/7/1997	Nam	Thái	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Văn hóa
013	Phạm Văn Hải	05/5/1985	Nam	Mường	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa - Thông tin	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Văn hóa
014	Lê Thị Hưng	10/02/1991	Nữ	Thái	Quản lý thông tin - truyền thông	23.2.39	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS	UBND huyện Quan Sơn	Văn hóa
015	Lê Thị Hương	04/7/1987	Nữ	Kinh	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin		UBND huyện Thường Xuân	Văn hóa
016	Lê Thị Liễu	12/01/1988	Nữ	Mường	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Văn hóa
017	Đỗ Thị Hương Linh	03/01/1997	Nữ	Kinh	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin		UBND huyện Thường Xuân	Văn hóa
018	Lê Thị Phương	20/5/1989	Nữ	Kinh	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin		UBND huyện Thường Xuân	Văn hóa
019	Cầm Huyền Trang	26/10/1994	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS	UBND huyện Thường Xuân	Văn hóa
020	Hoàng Văn Vinh	10/11/1983	Nam	Kinh	Quản lý thông tin - truyền thông	23.2.39	Phòng Văn hóa và Thông tin		UBND huyện Quan Sơn	Văn hóa
021	Hà Thị Xuân	14/02/1990	Nữ	Thái	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	23.2.36	Phòng Văn hóa và Thông tin	Người DTTS	UBND huyện Thường Xuân	Văn hóa

TỔNG SỐ THÍ SINH: 21

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: CÔNG THƯƠNG; Y TẾ; THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG
PHÒNG THI SỐ 02

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

SỞ NỘI VỤ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
022	Nguyễn Thành Dương	25/8/1993	Nam	Kinh	Quản lý năng lượng	9.2.6	Phòng Quản lý điện năng		Sở Công thương	Công thương
023	Nguyễn Viết Hoàng	15/10/1990	Nam	Kinh	Quản lý Thương mại	23.2.29	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Đông Sơn	Công thương
024	Nguyễn Thị Khánh Huyền	02/11/1996	Nữ	Kinh	Quản lý Thương mại	23.2.29	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Đông Sơn	Công thương
025	Doãn Thị Quỳnh Mai	08/7/1997	Nữ	Kinh	Quản lý Thương mại	23.2.29	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Đông Sơn	Công thương
026	Nguyễn Hải Anh	25/11/1997	Nữ	Kinh	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Sở Y tế	Y tế
027	Mai Vũ Hoàng Anh	27/6/1996	Nữ	Kinh	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Sở Y tế	Y tế
028	Trịnh Thị Hồng Biên	15/01/1995	Nữ	Kinh	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	16.2.7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Sở Y tế	Y tế
029	Lê Thị Thanh Hải	01/02/1990	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	16.3.2	Văn phòng		Sở Y tế	Y tế
030	Phùng Minh Hòa	03/8/1996	Nữ	Kinh	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ	Con TB	Sở Y tế	Y tế

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
031	Lê Khánh Huyền	14/7/1995	Nữ	Kinh	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	16.2.7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Sở Y tế	Y tế
032	Lê Ngọc Huyền	01/6/1996	Nữ	Kinh	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Sở Y tế	Y tế
033	Trần Ngọc Lê	09/4/1997	Nữ	Kinh	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Sở Y tế	Y tế
034	Nguyễn Mai Linh	01/9/1997	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	16.3.2	Văn phòng	Con TB	Sở Y tế	Y tế
035	Trịnh Thị Nga	22/8/1992	Nữ	Kinh	Quản lý nghiệp vụ dược	16.2.4	Phòng Quản lý dược		Sở Y tế	Y tế
036	Mai Thị Thúy Ngân	08/5/1987	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	16.3.2	Văn phòng		Sở Y tế	Y tế
037	Đặng Kim Oanh	06/11/1993	Nữ	Kinh	Quản lý y tế cơ sở và y tế dự phòng	24.2.47	Phòng Y tế		UBND TP Sầm Sơn	Y tế
038	Nguyễn Thị Phượng	18/7/1991	Nữ	Kinh	Quản lý nghiệp vụ dược	16.2.4	Phòng Quản lý dược		Sở Y tế	Y tế
039	Trần Thị Phượng	20/10/1989	Nữ	Kinh	Quản lý nghiệp vụ dược	16.2.4	Phòng Quản lý dược		Sở Y tế	Y tế
040	Trịnh Thị Thanh	03/02/1993	Nữ	Kinh	Quản lý nhân sự và đội ngũ	16.2.14	Phòng Tổ chức cán bộ		Sở Y tế	Y tế
041	Lê Thị Thu	02/8/1993	Nữ	Kinh	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	16.2.7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Sở Y tế	Y tế
042	Nguyễn Thị Thu	10/8/1993	Nữ	Kinh	Quản lý nghiệp vụ dược	16.2.4	Phòng Quản lý dược		Sở Y tế	Y tế
043	Nguyễn Văn Tùng	18/4/1986	Nam	Kinh	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	16.2.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Sở Y tế	Y tế

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
044	Vũ Minh Xuyến	20/5/1995	Nữ	Kinh	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	16.2.7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		Sở Y tế	Y tế
045	Đỗ Hữu Đạt	21/4/1995	Nam	Kinh	Quản lý Kế hoạch - Tài chính	13.2.4	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Sở TT&TT	Thông tin Truyền thông

TỔNG SỐ THÍ SINH: 24

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THI SỐ 03

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
046	Lê Thị Thúy An	20/7/1990	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND TP Sầm Sơn	Tài nguyên Môi trường
047	Cao Thị Hồng Anh	13/12/1997	Nữ	Kinh	Thẩm định giá đất	10.2.6	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Sở TN&MT	Tài nguyên Môi trường
048	Lê Lan Anh	25/8/1995	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND huyện Thạch Thành	Tài nguyên Môi trường
049	Lê Phương Anh	13/5/1995	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND huyện Ngọc Lặc	Tài nguyên Môi trường
050	Lò Vương Anh	12/12/1996	Nam	Thái	Thẩm định giá đất	10.2.6	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	Sở TN&MT	Tài nguyên Môi trường
051	Lại Thanh Bình	08/9/1995	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND TP Sầm Sơn	Tài nguyên Môi trường
052	Trịnh Linh Chi	08/01/1993	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND TP Sầm Sơn	Tài nguyên Môi trường
053	Lương Văn Cương	17/4/1995	Nam	Thái	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tài nguyên Môi trường
054	Hoàng Đình Đạt	09/10/1994	Nam	Thái	Quản lý môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tài nguyên Môi trường
055	Trịnh Xuân Đức	13/01/1996	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND TP Sầm Sơn	Tài nguyên Môi trường

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
056	Nguyễn Trường Giang	05/12/1989	Nam	Kinh	Quản lý Môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND huyện Thạch Thành	Tài nguyên Môi trường
057	Phạm Thị Hằng	30/6/1993	Nữ	Mường	Quản lý môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tài nguyên Môi trường
058	Nguyễn Thị Hiền	20/4/1990	Nữ	Kinh	Quản lý Môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND huyện Thạch Thành	Tài nguyên Môi trường
059	Ngân Văn Hiếu	17/12/1995	Nam	Thái	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài Nguyên và Môi trường	Người DTTS	UBND huyện Quan Sơn	Tài nguyên Môi trường
060	Bùi Thị Hoàn	02/10/1988	Nữ	Mường	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tài nguyên Môi trường
061	Lê Thị Hương	20/01/1992	Nữ	Kinh	Thẩm định giá đất	10.2.6	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Sở TN&MT	Tài nguyên Môi trường
062	Lê Minh Huyền	10/11/1996	Nữ	Mường	Quản lý Môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS	UBND huyện Thạch Thành	Tài nguyên Môi trường
063	Phạm Văn Huynh	06/9/1984	Nam	Mường	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tài nguyên Môi trường
064	Hoàng Mạnh Linh	01/6/1991	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài Nguyên và Môi trường		UBND huyện Quan Sơn	Tài nguyên Môi trường
065	Trịnh Thị Thùy Linh	30/7/1992	Nữ	Kinh	Thẩm định giá đất	10.2.6	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Sở TN&MT	Tài nguyên Môi trường
066	Trịnh Thị Việt Linh	08/11/1996	Nữ	Kinh	Quản lý môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND huyện Ngọc Lặc	Tài nguyên Môi trường
067	Nguyễn Thị Loan	01/02/1993	Nữ	Mường	Quản lý Môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Người DTTS	UBND huyện Thạch Thành	Tài nguyên Môi trường
068	Nguyễn Thị Ngọc Mai	25/6/1996	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND TP Sầm Sơn	Tài nguyên Môi trường

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
069	Phùng Tuấn Nam	19/10/1996	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	24.2.19	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND TP Sầm Sơn	Tài nguyên Môi trường
070	Nguyễn Thị Thanh	23/7/1990	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND huyện Hậu Lộc	Tài nguyên Môi trường
071	Trương Thị Thêm	16/6/1990	Nữ	Kinh	Thẩm định giá đất	10.2.6	Phòng Tài chính - Kế hoạch		Sở TN&MT	Tài nguyên Môi trường
072	Vi Thị Thi	04/11/1989	Nữ	Thái	Quản lý đất đai	23.2.15	Phòng Tài Nguyên và Môi trường	Người DTTS	UBND huyện Quan Sơn	Tài nguyên Môi trường
073	Phạm Quang Vũ	19/4/1989	Nam	Kinh	Quản lý Môi trường	23.2.17	Phòng Tài nguyên và Môi trường		UBND huyện Thạch Thành	Tài nguyên Môi trường

TỔNG SỐ THÍ SINH: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH:
TƯ PHÁP
PHÒNG THI SỐ 04

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

SỞ NỘI VỤ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
074	Lương Thị Bình	25/9/1997	Nữ	Thái	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tư pháp
075	Lương Thu Dung	02/12/1995	Nữ	Kinh	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp		UBND huyện Ngọc Lặc	Tư pháp
076	Lê Thị Hà	08/02/1995	Nữ	Thái	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tư pháp
077	Đỗ Thị Thanh Hằng	04/3/1996	Nữ	Tày	Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	23.2.8	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Tư pháp
078	Huỳnh Thị Hằng	30/7/1991	Nữ	Kinh	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp		UBND huyện Lang Chánh	Tư pháp
079	Hà Thị Hạnh	06/5/1993	Nữ	Mường	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tư pháp
080	Phạm Thái Hòa	19/02/1996	Nam	Mường	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tư pháp
081	Vi Thị Hương	21/8/1994	Nữ	Thái	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tư pháp
082	Lê Thùy Hương	29/6/1993	Nữ	Mường	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tư pháp
083	Trương Thị Minh Huyền	05/5/1992	Nữ	Mường	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tư pháp

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
084	Vi Thị Liệt	01/6/1992	Nữ	Thái	Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	23.2.8	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Tư pháp
085	Nguyễn Khánh Linh	20/6/1997	Nữ	Kinh	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		UBND huyện Yên Định	Tư pháp
086	Hoàng Ngọc Linh	05/6/1994	Nữ	Kinh	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp		UBND huyện Ngọc Lặc	Tư pháp
087	Lê Thị Ngọc Mai	11/10/1993	Nữ	Kinh	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		UBND huyện Yên Định	Tư pháp
088	Dương Văn Mạnh	20/3/1993	Nam	Kinh	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		UBND huyện Yên Định	Tư pháp
089	Hà Thị Nga	20/4/1993	Nữ	Thái	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tư pháp
090	Nguyễn Thị Bích Ngọc	29/9/1995	Nữ	Kinh	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		UBND huyện Yên Định	Tư pháp
091	Lò Văn Quyền	26/12/1992	Nam	Thái	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tư pháp
092	Trịnh Thị Như Quỳnh	26/8/1997	Nữ	Thái	Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	23.2.8	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Tư pháp
093	Bùi Thị Thúy	04/10/1993	Nữ	Mường	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tư pháp
094	Hà Thị Thu Thùy	01/11/1993	Nữ	Mường	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tư pháp
095	Lữ Thị Thủy	20/02/1993	Nữ	Thái	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tư pháp
096	Phạm Thị Như Trang	11/01/1996	Nữ	Kinh	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		UBND huyện Yên Định	Tư pháp

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH THANH HÓA

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
097	Ngọ Thị Thu Trang	21/3/1997	Nữ	Kinh	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	23.2.11	Phòng Tư pháp		UBND huyện Yên Định	Tư pháp
098	Hà Ngọc Trinh	27/7/1994	Nữ	Thái	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tư pháp
099	Cao Thị Tứ	07/8/1991	Nữ	Mường	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tư pháp
100	Hà Thị Việt	03/10/1992	Nữ	Mường	Hành chính tư pháp	23.2.9	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tư pháp
101	Triệu Thị Yến	25/6/1995	Nữ	Dao	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	23.2.10	Phòng Tư pháp	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tư pháp

TỔNG SỐ THÍ SINH: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH:
VĂN PHÒNG UBND; DÂN TỘC
PHÒNG THI SỐ 05

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

SỞ NỘI VỤ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
102	Lê Kim Anh	15/4/1996	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND		UBND huyện Thạch Thành	Văn phòng UBND
103	Hà Thị Anh	22/3/1983	Nữ	Thái	Công nghệ thông tin	23.3.4	Văn phòng HĐND&UBND	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Văn phòng UBND
104	Ngân Quang Đại	07/11/1986	Nam	Thái	Công nghệ thông tin	23.3.4	Văn phòng HĐND&UBND	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Văn phòng UBND
105	Lương Thị Điện	25/12/1991	Nữ	Mường	Công nghệ thông tin	23.3.4	Văn phòng HĐND&UBND	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Văn phòng UBND
106	Phạm Tùng Dương	12/4/1996	Nam	Thái	Kế toán viên	23.3.7	Văn phòng HDND&UBND	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Văn phòng UBND
107	Hà Thị Hà	24/6/1995	Nữ	Thái	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND	Người DTTS	UBND huyện Thạch Thành	Văn phòng UBND
108	Trần Thanh Huyền	27/9/1996	Nữ	Kinh	Văn Thư	23.3.9	Văn phòng HĐND&UBND		UBND huyện Hậu Lộc	Văn phòng UBND
109	Nguyễn Duy Khánh	07/9/1994	Nam	Kinh	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		UBND huyện Hậu Lộc	Văn phòng UBND
110	Nguyễn Thị Linh	08/3/1994	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND		UBND huyện Thạch Thành	Văn phòng UBND
111	Phạm Thùy Linh	20/11/1994	Nữ	Kinh	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		UBND huyện Hậu Lộc	Văn phòng UBND

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
112	Lương Thị Mai	08/12/1991	Nữ	Mường	Kế toán viên	23.3.7	Văn phòng HĐND&UBND	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Văn phòng UBND
113	Hà Thị Ngân	06/4/1996	Nữ	Thái	Kế toán viên	23.3.7	Văn phòng HĐND&UBND	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Văn phòng UBND
114	Hoàng Thị Nguyệt	06/9/1992	Nữ	Kinh	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		UBND huyện Hậu Lộc	Văn phòng UBND
115	Hơ Chứ Pó	13/5/1990	Nam	Mông	Công nghệ thông tin	23.3.4	Văn phòng HĐND&UBND	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Văn phòng UBND
116	Phạm Hương Quỳnh	06/5/1993	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND		UBND huyện Thạch Thành	Văn phòng UBND
117	Lê Như Quỳnh	01/5/1993	Nữ	Kinh	Văn Thư	23.3.9	Văn phòng HĐND&UBND		UBND huyện Hậu Lộc	Văn phòng UBND
118	Nguyễn Như Quỳnh	16/12/1994	Nữ	Kinh	Hành chính một cửa	23.3.3	Văn phòng HĐND&UBND		UBND huyện Hậu Lộc	Văn phòng UBND
119	Hoàng Thị Hiền Thu	05/8/1995	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	23.3.1	Văn phòng HĐND&UBND	Con của người HĐKC bị nhiễm chất độc HH	UBND huyện Nông Cống	Văn phòng UBND
120	Lê Thị Quỳnh Anh	29/8/1996	Nữ	Kinh	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	21.2.1	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp		Ban Dân tộc	Dân tộc
121	Nguyễn Hữu Biên	01/9/1989	Nam	Kinh	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	21.2.1	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp		Ban Dân tộc	Dân tộc
122	Nguyễn Ngọc Hưng	10/4/1985	Nam	Kinh	Theo dõi thực hiên chính sách dân tộc	21.2.1	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp		Ban Dân tộc	Dân tộc

TỔNG SỐ THÍ SINH: 21

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH:
TÀI CHÍNH
PHÒNG THI SỐ 06

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
123	Lê Phương Anh	08/9/1994	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND TP Sầm Sơn	Tài chính
124	Nguyễn Thành Chung	10/3/1990	Nam	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Con BB	UBND huyện Bá Thước	Tài chính
125	Trần Thị Diễm	29/5/1997	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Ngọc Lặc	Tài chính
126	Nguyễn Minh Đức	08/8/1989	Nam	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Lang Chánh	Tài chính
127	Lại Thị Dung	02/8/1995	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Hoằng Hóa	Tài chính
128	Trần Thị Thu Hà	14/11/1994	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Ngọc Lặc	Tài chính
129	Mai Thị Hằng	25/9/1989	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Hoằng Hóa	Tài chính
130	Phạm Thị Thu Hằng	22/8/1991	Nữ	Mường	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tài chính
131	Cao Đức Hoàng	19/7/1996	Nam	Thái	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tài chính
132	Hà Thị Lan Hương	12/8/1992	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND TP Sầm Sơn	Tài chính
133	Lê Thị Thanh Huyền	11/10/1995	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND TP Sầm Sơn	Tài chính

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
134	Phan Đình Khải	06/12/1991	Nam	Thái	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Tài chính
135	Dương Thị Lan	24/8/1992	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Hoằng Hóa	Tài chính
136	Bùi Thị Liên	19/02/1988	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND TP Sầm Sơn	Tài chính
137	Nguyễn Thùy Linh	06/3/1996	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND TP Sầm Sơn	Tài chính
138	Hoàng Văn Long	22/4/1992	Nam	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Hoằng Hóa	Tài chính
139	Lê Thanh Nga	28/4/1991	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Hoằng Hóa	Tài chính
140	Lê Thị Nga	03/4/1990	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Con BB	UBND huyện Hoằng Hóa	Tài chính
141	Ngô Thị Thúy Nga	15/4/1990	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND TP Sầm Sơn	Tài chính
142	Hà Diệu Ngân	22/12/1995	Nữ	Mường	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Bá Thước	Tài chính
143	Hà Thị Ngư	19/02/1997	Nữ	Thái	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tài chính
144	Đào Thị Nhung	30/9/1986	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	24.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND TP Sầm Sơn	Tài chính
145	Phùng Lê Phương	22/02/1994	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Bá Thước	Tài chính
146	Lê Thị Phương	25/11/1989	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Mường Lát	Tài chính

TỔNG SỐ THÍ SINH: 24

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH; KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÒNG THI SỐ 07

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

SỞ NỘI VỤ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
147	Vũ Thị Phượng	09/4/1994	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Ngọc Lặc	Tài chính
148	Hoàng Sỹ Quý	11/01/1991	Nam	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Lang Chánh	Tài chính
149	Mai Thị Quý	05/8/1992	Nữ	Mường	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Bá Thước	Tài chính
150	Lê Bá Quyết	25/11/1989	Nam	Mường	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Bá Thước	Tài chính
151	Lê Ngọc Quỳnh	03/7/1991	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Bá Thước	Tài chính
152	Phạm Văn Tài	03/11/1994	Nam	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Bá Thước	Tài chính
153	Phạm Thị Thảo	19/7/1997	Nữ	Thái	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Tài chính
154	Tống Thị Thảo	14/8/1988	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Hoằng Hóa	Tài chính
155	Bùi Thị Thơm	23/9/1990	Nữ	Mường	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Bá Thước	Tài chính
156	Lê Thị Hoài Thu	04/02/1997	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Hoằng Hóa	Tài chính

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
157	Lữ Thị Bích Thủy	17/10/1990	Nữ	Thái	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tài chính
158	Vi Nữ Thùy Trang	20/3/1995	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Mường Lát	Tài chính
159	Lang Đức Tùng	26/3/1997	Nam	Thái	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Tài chính
160	Bùi Văn Tưởng	24/02/1992	Nam	Mường	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Tài chính
161	Lê Thị Xuân	10/02/1994	Nữ	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	23.2.12	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Ngọc Lặc	Tài chính
162	Phạm Thị Anh Đào	13/5/1993	Nữ	Kinh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Yên Định	Kế hoạch Đầu tư
163	Bùi Trung Đức	24/5/1993	Nam	Mường	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Người DTTS	UBND huyện Như Thanh	Kế hoạch Đầu tư
164	Triệu Ngân Hà	11/3/1997	Nữ	Kinh	Tổng hợp kinh tế xã hội	5.2.2	Phòng Tổng hợp		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kế hoạch Đầu tư
165	Trịnh Hà Hằng	25/10/1996	Nữ	Kinh	Tổng hợp kinh tế xã hội	5.2.2	Phòng Tổng hợp		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kế hoạch Đầu tư
166	Lê Ngọc Khánh	01/5/1992	Nam	Kinh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Như Thanh	Kế hoạch Đầu tư
167	Trịnh Thị Khuyên	18/9/1989	Nữ	Kinh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Con TB	UBND huyện Yên Định	Kế hoạch Đầu tư
168	Nguyễn Thị Lý	26/9/1991	Nữ	Kinh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Như Thanh	Kế hoạch Đầu tư
169	Cao Ngọc Minh	27/6/1992	Nam	Kinh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	24.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND TP Sầm Sơn	Kế hoạch Đầu tư

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
170	Nguyễn Hà Phương	27/11/1994	Nữ	Kinh	Tổng hợp kinh tế xã hội	5.2.2	Phòng Tổng hợp		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kế hoạch Đầu tư
171	Nguyễn Thanh Tâm	13/01/1991	Nữ	Kinh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Yên Định	Kế hoạch Đầu tư
172	Lê Thanh Tùng	07/7/1996	Nam	Kinh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Như Thanh	Kế hoạch Đầu tư
173	Nguyễn Thị Tuyết	23/3/1992	Nữ	Kinh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	23.2.13	Phòng Tài chính - Kế hoạch		UBND huyện Yên Định	Kế hoạch Đầu tư

TỔNG SỐ THÍ SINH: 27

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: NỘI VỤ
PHÒNG THI SỐ 08

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
174	Vi Thị Danh	28/01/1997	Nữ	Thái	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Nội vụ
175	Va Tiến Dũng	29/02/1996	Nam	Mông	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Nội vụ
176	Ngân Văn Dựng	02/7/1993	Nam	Thái	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Nội vụ
177	Trần Tất Dương	27/6/1995	Nam	Kinh	Cải cách hành chính	24.2.7	Phòng Nội vụ	Hoàn thành nghĩa vụ QS	UBND TP Sầm Sơn	Nội vụ
178	Phạm Ngọc Hà	24/3/1997	Nữ	Thái	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Nội vụ
179	Hà Văn Hải	22/01/1993	Nam	Thái	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Nội vụ
180	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	09/3/1997	Nữ	Kinh	Cải cách hành chính	24.2.7	Phòng Nội vụ		UBND TP Sầm Sơn	Nội vụ
181	Phạm Thị Hiền	20/10/1996	Nữ	Thái	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Nội vụ
182	Hà Thị Huyền	01/7/1997	Nữ	Mường	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Nội vụ
183	Hà Thị Thùy Linh	08/5/1994	Nữ	Mường	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Nội vụ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
184	Vi Thị Luyến	20/12/1995	Nữ	Thái	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Nội vụ
185	Cao Thị Nguyệt Nga	18/12/1996	Nữ	Mường	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Nội vụ
186	Hà Bích Phượng	27/7/1997	Nữ	Thái	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Nội vụ
187	Trần Tiến Thắng	20/10/1991	Nam	Kinh	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ		UBND huyện Lang Chánh	Nội vụ
188	Quách Văn Thắng	14/6/1992	Nam	Mường	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Nội vụ
189	Hà Thị Thảo	01/12/1995	Nữ	Thái	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Nội vụ
190	Vi Thị Thúc	17/8/1995	Nữ	Thái	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Nội vụ
191	Lò Thị Toán	09/12/1995	Nữ	Thái	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Nội vụ
192	Hà Linh Trang	20/12/1996	Nữ	Thái	Quản lý Văn thư - Lưu trữ	23.2.5	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Nội vụ
193	Dư Thanh Hoàng Tuấn	07/11/1997	Nam	Kinh	Cải cách hành chính	24.2.7	Phòng Nội vụ		UBND TP Sầm Sơn	Nội vụ
194	Phạm Thị Ánh Tuyết	24/3/1997	Nữ	Mường	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Nội vụ
195	Lê Thị Bích Xoan	16/4/1997	Nữ	Mường	Cải cách hành chính	23.2.7	Phòng Nội vụ	Người DTTS	UBND huyện Lang Chánh	Nội vụ

TỔNG SỐ THÍ SINH: 22

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NGHI SƠN
PHÒNG THI SỐ 09

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
196	Lê Đức Anh	18/9/1989	Nam	Kinh	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Quy hoạch		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
197	Nguyễn Văn Tuấn Anh	09/12/1993	Nam	Kinh	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
198	Trần Thành Chung	11/10/1993	Nam	Kinh	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
199	Trần Thị Chung	08/8/1994	Nữ	Kinh	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
200	Trịnh Thị Dung	07/4/1992	Nữ	Kinh	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
201	Lưu Thị Thu Hà	28/8/1986	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
202	Nguyễn Anh Hải	30/12/1986	Nam	Kinh	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
203	Hứa Duy Hóa	05/7/1984	Nam	Kinh	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
204	Lê Thị Huệ	08/6/1997	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
205	Đặng Quang Hưng	25/12/1995	Nam	Kinh	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
206	Lê Thị Mai Hương	03/10/1995	Nữ	Kinh	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
207	Nguyễn Thanh Huyền	04/8/1997	Nữ	Kinh	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
208	Nguyễn Thị Huyền	27/12/1994	Nữ	Kinh	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
209	Đinh Trà Liên	30/8/1993	Nữ	Thổ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT	Người DTTS	Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
210	Mai Quỳnh Mai	20/5/1996	Nữ	Kinh	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
211	Võ Anh Ngọc	14/12/1991	Nam	Kinh	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	22.2.3	Phòng Quản lý Tài nguyên và MT		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
212	Lê Đức Phúc	01/12/1992	Nam	Kinh	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Con TB	Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
213	Đặng Nhật Quang	02/3/1988	Nam	Kinh	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Quy hoạch		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
214	Phạm Thu Thảo	28/10/1991	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
215	Phạm Thị Minh Thư	22/8/1997	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
216	Trịnh Quỳnh Trang	11/02/1994	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
217	Lê Thị Thu Trang	14/10/1993	Nữ	Kinh	Quản lý Đầu tư và Xúc tiến đầu tư	22.2.1	Phòng Quản lý đầu tư		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
218	Lê Duy Trung	15/7/1983	Nam	Kinh	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Xây dựng		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
219	Hoàng Trường	12/12/1990	Nam	Kinh	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	22.2.2	Phòng Quản lý Quy hoạch		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
220	Lê Anh Tuấn	12/10/1991	Nam	Kinh	Hành chính tổng hợp	22.3.2	Phòng Kế hoạch tổng hợp		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn
221	Nguyễn Văn Tùng	11/10/1996	Nam	Kinh	Tổ chức nhân sự	22.3.1	Văn phòng		Ban QL Khu KTNS&CKCN	Kinh tế Nghi Sơn

TỔNG SỐ THÍ SINH: 26

SỞ NỘI VỤ

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: CƠ QUAN SỞ NÔNG NGHIỆP; KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN; ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO PHÒNG THI SỐ 10

(Kèm theo Thông báo số 677 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
222	Lê Thanh Hà	19/5/1983	Nam	Kinh	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	12.2.4	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Cơ quan Sở NN&PTNT	Cơ quan Sở NN&PTNT
223	Lê Thị Linh Mai	18/7/1993	Nữ	Kinh	Hành chính tổng hợp	12.3.2	Văn phòng		Cơ quan Sở NN&PTNT	Cơ quan Sở NN&PTNT
224	Lê Hồng Hải	26/3/1991	Nam	Kinh	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ nghề cá	12.2.19	Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản		Chi cục Khai thác và Bảo vệ NLTS	Khai thác và Bảo vệ NLTS
225	Ngô Quang Tùng	14/10/1989	Nam	Kinh	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ nghề cá	12.2.19	Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản		Chi cục Khai thác và Bảo vệ NLTS	Khai thác và Bảo vệ NLTS
226	Nguyễn Như Đạt	16/10/1996	Nam	Kinh	Quản lý, bảo vệ đê điều	12.2.22	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão		Chi cục Đê điều và PCLB	Đê điều và PCLB
227	Nguyễn Việt Đức	30/01/1996	Nam	Kinh	Quản lý, bảo vệ đê điều	12.2.22	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão		Chi cục Đê điều và PCLB	Đê điều và PCLB
228	Hoàng Thị Hạnh	23/10/1996	Nữ	Kinh	Quản lý, bảo vệ đê điều	12.2.22	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão		Chi cục Đê điều và PCLB	Đê điều và PCLB
229	Nguyễn Nhật Linh	02/8/1994	Nam	Kinh	Quản lý, bảo vệ đê điều	12.2.22	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão		Chi cục Đê điều và PCLB	Đê điều và PCLB

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
230	Nguyễn Văn Ngọc	19/8/1989	Nam	Kinh	Quản lý, bảo vệ đê điều	12.2.22	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão		Chi cục Đê điều và PCLB	Đê điều và PCLB
231	Chu Thị Kim Oanh	13/01/1993	Nữ	Kinh	Quản lý, bảo vệ đê điều	12.2.22	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão		Chi cục Đê điều và PCLB	Đê điều và PCLB
232	Hoàng Tiến	31/10/1995	Nam	Kinh	Quản lý, bảo vệ đê điều	12.2.22	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão		Chi cục Đê điều và PCLB	Đê điều và PCLB
233	Nguyễn Thị Trang	06/10/1992	Nữ	Kinh	Quản lý, bảo vệ đê điều	12.2.22	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão		Chi cục Đê điều và PCLB	Đê điều và PCLB

TỔNG SỐ THÍ SINH: 12

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM
PHÒNG THI SỐ 11

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

SỞ NỘI VỤ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
234	Bùi Thị Lan Anh	01/9/1988	Nữ	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
235	Trần Nhật Anh	14/8/1994	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
236	Lê Huy Tuấn Anh	20/8/1996	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
237	Hà Quốc Bảo	24/3/1994	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
238	Thao Thị Bênh	03/5/1995	Nữ	Mông	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
239	Phạm Văn Biên	02/9/1989	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
240	Hà Thúy Biển	03/02/1992	Nữ	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
241	Phạm Văn Châu	16/3/1993	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
242	Hoàng Anh Chiến	05/12/1992	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
243	Lê Kim Chiến	04/9/1987	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
244	Hà Xuân Chiến	15/8/1996	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu		Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
245	Vũ Văn Chính	25/7/1994	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
246	Nguyễn Văn Chung	02/4/1984	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông		Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
247	Nguyễn Thế Cung	05/9/1991	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
248	Mai Văn Cương	20/5/1995	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
249	Lê Hùng Cường	31/10/1995	Nam	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
250	Nguyễn Viết Doanh	03/8/1991	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
251	Lê Quang Đạo	19/02/1988	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên		Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
252	Lê Thành Đạt	22/01/1994	Nam	Kinh	Hành chính tổng hợp	12.2.16	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En	Con TB	Ban QL Vườn quốc gia Bến En	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
253	Hà Thị Diễn	03/6/1994	Nữ	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
254	Lê Đông	05/6/1986	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
255	Phạm Văn Đức	15/9/1989	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
256	Nguyễn Thị Dung	22/6/1992	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
257	Hà Thị Thùy Dung	11/12/1993	Nữ	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

TỔNG SỐ THÍ SINH: 24

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM
PHÒNG THI SỐ 12

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

SỞ NỘI VỤ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
258	Nguyễn Đình Dũng	12/5/1989	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu		Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
259	Phùng Tuấn Dũng	09/3/1996	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
260	Nguyễn Văn Dương	10/02/1987	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
261	Nguyễn Quang Duy	28/3/1995	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên		Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
262	Trần Thị Duyên	02/11/1989	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con BB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
263	Nguyễn Ngoại Giao	20/11/1993	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
264	Hoàng Thị Hà	12/02/1992	Nữ	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
265	Hồ Việt Hà	19/8/1996	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu		Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
266	La Thế Hải	20/7/1987	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
267	Phạm Văn Hải	19/10/1997	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
268	Hồ Thị Hằng	12/11/1995	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
269	Lê Thị Hằng	15/10/1990	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con BB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
270	Trương Thị Thu Hằng	19/6/1996	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
271	Phạm Thị Hảo	10/3/1995	Nữ	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
272	Nguyễn Thị Hậu	02/11/1993	Nữ	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
273	Lê Thị Hiền	04/4/1993	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
274	Lương Văn Hiền	10/4/1981	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
275	Nguyễn Mậu Hiệp	05/12/1992	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu		Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
276	Nguyễn Văn Hiệp	21/6/1994	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
277	Bùi Thanh Hoài	04/9/1988	Nam	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
278	Hoàng Thị Hoài	04/6/1993	Nữ	Kinh	Hành chính Tổng hợp	12.3.2	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông		Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
279	Lê Như Hoàng	04/3/1991	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông		Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
280	Trương Văn Học	18/01/1993	Nam	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
281	Trịnh Thị Hồng	23/10/1983	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

TỔNG SỐ THÍ SINH: 24

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM
PHÒNG THI SỐ 13

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

SỞ NỘI VỤ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
282	Trương Viết Hợp	05/02/1989	Nam	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
283	Phạm Mạnh Hùng	21/12/1993	Nam	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
284	Hà Thị Hằng Hương	15/4/1996	Nữ	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
285	Nguyễn Thị Hương	17/5/1996	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
286	Đỗ Trọng Hướng	22/3/1986	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên		Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
287	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/11/1990	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
288	Phạm Thị Thanh Huyền	08/5/1987	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
289	Trần Thị Thanh Huyền	21/10/1993	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
290	Nguyễn Thương Huyền	01/5/1995	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
291	Cao Bá Kết	11/7/1986	Nam	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
292	Nguyễn Duy Khải	03/10/1987	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
293	Lê Hoàng Khải	19/11/1982	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
294	Trương Bình Khánh	15/01/1989	Nam	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
295	Tào Văn Khoa	20/10/1990	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông		Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
296	Lương Văn Khởi	20/01/1988	Nam	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS; Con TB	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
297	Lương Thị Khuê	14/02/1995	Nữ	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
298	Đỗ Xuân Lâm	27/6/1986	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
299	Lô Thị Lệ	15/3/1992	Nữ	Thái	Pháp chế	12.2.29	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En	Người DTTS	Ban QL Vườn quốc gia Bến En	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
300	Phạm Bá Liêm	01/11/1989	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
301	Hà Thị Liễu	06/10/1995	Nữ	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
302	Phạm Thị Diệu Linh	15/11/1996	Nữ	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
303	Bùi Hồng Linh	02/12/1990	Nam	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
304	Nguyễn Thị Linh	24/7/1995	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
305	Mai Thị Thu Loan	22/9/1988	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

TỔNG SỐ THÍ SINH: 24

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM
PHÒNG THI SỐ 14

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

SỞ NỘI VỤ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
306	Nguyễn Văn Lợi	12/5/1994	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
307	Phùng Hoàng Long	24/5/1988	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
308	Nguyễn Đình Luân	18/7/1990	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
309	Lục Văn Luật	05/9/1992	Nam	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
310	Hà Thị Ly	22/4/1994	Nữ	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
311	Lê Đình Mạnh	11/6/1980	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con BB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
312	Vi Văn Mạnh	23/01/1996	Nam	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
313	Nguyễn Tấn Minh	22/02/1982	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
314	Ngô Xuân Minh	08/11/1985	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Con BB	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
315	Vũ Thị Hà My	23/7/1992	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
316	Bùi Ngọc Nam	20/9/1994	Nam	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
317	Tạ Thị Nga	07/4/1997	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
318	Lê Xuân Ngọc	04/5/1981	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
319	Mai Thị Nguyệt	02/8/1993	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
320	Vi Văn Nhất	07/10/1994	Nam	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
321	Lê Thị Nhung	09/9/1990	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con BB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
322	Đỗ Công Nương	27/10/1991	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
323	Lê Xuân Phong	25/5/1988	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu		Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
324	Hoàng Huy Phúc	12/02/1988	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
325	Phạm Thị Hoài Phương	03/12/1996	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
326	Hà Minh Phương	12/3/1992	Nam	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
327	Nguyễn Văn Quân	20/5/1983	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Con TB	Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
328	Mai Văn Quang	24/8/1989	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông		Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
329	Hà Văn Qúy	22/4/1985	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con nạn nhân chất độc da cam	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

TỔNG SỐ THÍ SINH: 24

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM
PHÒNG THI SỐ 15

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

SỞ NỘI VỤ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
330	Lê Văn Quynh	03/10/1989	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu		Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
331	Lê Như Quỳnh	08/10/1997	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
332	Trương Hồng Sơn	08/02/1995	Nam	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En	Người DTTS	Ban QL Vườn quốc gia Bến En	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
333	Lê Văn Sơn	02/3/1988	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
334	Phan Quang Tân	25/4/1984	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
335	Nguyễn Văn Thắng	25/12/1993	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
336	Mai Văn Thanh	22/10/1990	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
337	Trần Chí Thành	12/8/1989	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
338	Hắc Huy Thành	01/02/1995	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
339	Lê Ngọc Thiện	01/3/1983	Nam	Thổ	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
340	Trịnh Văn Thơm	21/4/1982	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
341	Cao Hoài Thu	16/9/1991	Nữ	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS; Con TB	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
342	Hoàng Minh Thu	28/9/1992	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
343	Nguyễn Thị Thức	09/9/1990	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
344	Lê Thị Thanh Thủy	01/12/1983	Nữ	Kinh	Hành chính Tổng hợp	12.3.2	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông		Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
345	Thiều Thị Thu Thủy	29/5/1993	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
346	Lê Hữu Tiến	26/9/1989	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu		Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
347	Phạm Văn Tiếp	17/3/1984	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
348	Nguyễn Mậu Toàn	14/12/1984	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Con TB	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
349	Trịnh Thị Ngọc Trâm	12/01/1996	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
350	Lê Thị Trang	29/11/1995	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
351	Lê Thị Trang	07/6/1987	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên		Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
352	Nguyễn Thị Trang	10/5/1991	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
353	Phan Thị Trang	15/9/1994	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

TỔNG SỐ THÍ SINH: 24

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM
PHÒNG THI SỐ 16

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
354	Lê Thế Trọng	26/6/1993	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
355	Nguyễn Hữu Trung	20/11/1997	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
356	Đỗ Thành Trung	09/02/1988	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
357	Lương Quốc Tú	03/7/1995	Nam	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
358	Trần Thị Tú	02/02/1986	Nữ	Kinh	Theo dõi sử dụng và phát triển rừng	12.2.13	Chi cục Lâm nghiệp	Con BB	Chi cục Lâm nghiệp	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
359	Hà Văn Tú	10/01/1995	Nam	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
360	Lê Văn Tú	03/02/1996	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
361	Hoàng Anh Tuấn	01/5/1993	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
362	Thiều Anh Tuấn	02/3/1983	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
363	Trương Văn Tuấn	06/7/1991	Nam	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
364	Lê Huy Tùng	15/5/1995	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông		Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
365	Lê Thanh Tùng	13/5/1991	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
366	Lê Văn Tùng	19/8/1993	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
367	Nguyễn Thị Tươi	20/9/1989	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
368	Hoàng Văn Tuyên	04/6/1993	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban QL Khu BTTN Xuân Liên		Ban QL Khu BTTN Xuân Liên	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
369	Lê Công Tuyến	05/4/1993	Nam	Thổ	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
370	Nguyễn Đình Tuyến	08/10/1983	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con BB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
371	Lê Thị Tuyến	02/7/1989	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
372	Bùi Văn Tuyển	20/11/1991	Nam	Mường	Pháp chế	12.2.29	Ban quản lý Khu BTTN Pù Luông	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Luông	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
373	Lục Thị Ánh Tuyết	02/9/1995	Nữ	Thái	Kiểm lâm	12.2.16	Ban quản lý Khu BTTN Pù Hu	Người DTTS	Ban QL Khu BTTN Pù Hu	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
374	Nguyễn Thị Tú Uyên	13/8/1994	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
375	Nguyễn Hoàng Vân	10/01/1989	Nam	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
376	Nguyễn Hồng Vân	20/4/1995	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En		Ban QL Vườn quốc gia Bến En	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
377	Hà Hoàn Vũ	23/7/1996	Nam	Mường	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm	Người DTTS	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
378	Mai Thị Hải Yến	21/10/1995	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm
379	Đỗ Thị Phi Yến	28/01/1994	Nữ	Kinh	Kiểm lâm	12.2.16	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp, Kiểm lâm

TỔNG SỐ THÍ SINH: 26

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
PHÒNG THI SỐ 17

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

SỞ NỘI VỤ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
380	Trần Linh Chi	20/7/1991	Nữ	Kinh	Quy hoạch và xây dựng chính sách di dân, tái định cư	12.2.21	Chi cục Phát triển nông thôn		Chi cục Phát triển NT	Phát triển nông thôn
381	Lê Minh Đức	12/3/1997	Nam	Kinh	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT		UBND huyện Bá Thước	Phát triển nông thôn
382	Nguyễn Thị Hồng Duyên	30/6/1984	Nữ	Kinh	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT		UBND huyện Quan Hóa	Phát triển nông thôn
383	Mai Thanh Hà	24/5/1995	Nữ	Kinh	Quản lý thủy lợi (đê điều, phòng chống lụt bão)	23.2.21	Phòng Nông nghiệp & PTNT		UBND huyện Hà Trung	Phát triển nông thôn
384	Cao Văn Hảo	20/10/1995	Nam	Kinh	Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	12.2.25	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản		Chi cục QL chất lượng NLS&TS	Phát triển nông thôn
385	Nguyễn Thị Hoa	13/3/1993	Nữ	Kinh	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Chi cục Phát triển NT	Phát triển nông thôn
386	Hoàng Thị Hồng	02/12/1983	Nữ	Kinh	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT		UBND huyện Thạch Thành	Phát triển nông thôn
387	Võ Duy Hưng	01/01/1985	Nam	Kinh	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Chi cục Phát triển NT	Phát triển nông thôn
388	Hàn Thị Hường	15/4/1996	Nữ	Kinh	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT		UBND huyện Quan Hóa	Phát triển nông thôn
389	Hoàng Thị Lài	05/6/1984	Nữ	Kinh	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT		UBND huyện Thường Xuân	Phát triển nông thôn

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
390	Lê Thùy Linh	08/5/1997	Nữ	Kinh	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Chi cục Phát triển NT	Phát triển nông thôn
391	Lang Thị Lưu	22/01/1993	Nữ	Thái	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS	UBND huyện Thạch Thành	Phát triển nông thôn
392	Lò Tuấn Nam	21/7/1996	Nam	Thái	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS	UBND huyện Bá Thước	Phát triển nông thôn
393	Hà Thị Nhung	19/5/1992	Nữ	Thái	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	23.2.22	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS	UBND huyện Mường Lát	Phát triển nông thôn
394	Nguyễn Thị Oanh	01/4/1991	Nữ	Kinh	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Chi cục Phát triển NT	Phát triển nông thôn
395	Lưu Thị Phương	09/5/1996	Nữ	Kinh	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	23.2.22	Phòng Nông nghiệp & PTNT		UBND huyện Nga Sơn	Phát triển nông thôn
396	Phạm Thế Quân	14/01/1997	Nam	Kinh	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Chi cục Phát triển NT	Phát triển nông thôn
397	Hà Văn Quang	03/5/1992	Nam	Mường	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS	UBND huyện Quan Hóa	Phát triển nông thôn
398	Lương Thị Quý	22/12/1994	Nữ	Mường	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS	UBND huyện Quan Hóa	Phát triển nông thôn
399	Nguyễn Thị Quyên	01/11/1994	Nữ	Kinh	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT		UBND huyện Bá Thước	Phát triển nông thôn
400	Lê Minh Thắng	01/6/1988	Nam	Kinh	Quản lý về trồng trọt (Bảo vệ thực vật)	23.2.18	Phòng Nông nghiệp & PTNT		UBND huyện Thạch Thành	Phát triển nông thôn
401	Cầm Thị Thanh	06/5/1989	Nữ	Thái	Quản lý về chăn nuôi	23.2.19	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Người DTTS	UBND huyện Thường Xuân	Phát triển nông thôn
402	Nguyễn Thị Ngọc Trang	24/11/1989	Nữ	Kinh	Quản lý chế chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	12.2.26	Chi cục Phát triển nông thôn		Chi cục Phát triển NT	Phát triển nông thôn

TỔNG SỐ THÍ SINH: 23

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM LÂM
PHÒNG THI SỐ 18

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
403	Nguyễn Lê Anh	07/3/1993	Nam	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
404	Lương Tuấn Anh	17/10/1995	Nam	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
405	Lê Thị Hạnh	20/12/1988	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
406	Vũ Thanh Hiền	20/10/1996	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
407	Đỗ Thị Hồng	04/10/1986	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
408	Lê Thị Hương	22/12/1985	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
409	Đỗ Thị Huyền	01/8/1990	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
410	Lê Thị Huyền	28/02/1996	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
411	Lê Thị Thu Huyền	21/7/1993	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
412	Lê Thị Phương Lan	01/6/1991	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
413	Lê Thị Linh	10/5/1994	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
414	Trần Thị Thùy Linh	25/3/1992	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
415	Nguyễn Việt Linh	24/5/1996	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
416	Vũ Thanh Mai	28/8/1985	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
417	Vũ Thanh Nhàn	06/11/1990	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
418	Phạm Thị Hồng Như	22/5/1994	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
419	Lê Kiều Oanh	20/12/1995	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
420	Đinh Ngọc Phương	29/11/1996	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
421	Dương Thị Tâm	01/01/1986	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
422	Dương Thị Thu	01/5/1990	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
423	Doãn Thị Thúy	23/7/1984	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm	Con TB	Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
424	Ngô Thị Minh Trang	05/6/1994	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
425	Lê Thị Trang	13/9/1997	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
426	Lê Thị Thu Trang	08/02/1994	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm
427	Nguyễn Thị Thùy Trang	08/4/1997	Nữ	Kinh	Kế toán	12.3.6	Chi cục Kiểm lâm		Chi cục Kiểm lâm	Kế toán kiểm lâm

TỔNG SỐ THÍ SINH: 25

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: XÂY DỰNG; GIAO THÔNG
PHÒNG THI SỐ 19

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

SỞ NỘI VỤ

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
428	Lê Đức Anh	24/7/1991	Nam	Kinh	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Bá Thước	Xây dựng
429	Cao Đức Chung	23/12/1990	Nam	Mường	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS	UBND huyện Thạch Thành	Xây dựng
430	Trần Tiến Chung	30/4/1989	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Thường Xuân	Xây dựng
431	Nguyễn Chí Công	12/10/1990	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Con BB	UBND huyện Hà Trung	Xây dựng
432	Mai Ngọc Cường	12/5/1989	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Thường Xuân	Xây dựng
433	Đỗ Phi Cường	15/02/1985	Nam	Kính	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Quan Hóa	Xây dựng
434	Trương Công Đại	03/02/1992	Nam	Mường	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS	UBND huyện Bá Thước	Xây dựng
435	Trương Đức Đạt	09/9/1984	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Con TB	UBND huyện Hoằng Hóa	Xây dựng
436	Phạm Phú Đạt	01/6/1989	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Quan Sơn	Xây dựng
437	Trịnh Văn Định	10/12/1989	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Ngọc Lặc	Xây dựng

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
438	Đào Việt Dũng	20/7/1987	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Hậu Lộc	Xây dựng
439	Vũ Trọng Duy	11/01/1981	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Ngọc Lặc	Xây dựng
440	Lê Văn Duyệt	07/02/1982	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Hà Trung	Xây dựng
441	Hoàng Trường Giang	12/12/1993	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Ngọc Lặc	Xây dựng
442	Nguyễn Hồng Hạnh	30/10/1996	Nữ	Kinh	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Bá Thước	Xây dựng
443	Hà Hữu Hòa	22/12/1987	Nam	Thái	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS	UBND huyện Quan Hóa	Xây dựng
444	Trịnh Bá Linh	18/8/1986	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Vĩnh Lộc	Xây dựng
445	Hà Chí Linh	13/5/1992	Nam	Thái	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS	UBND huyện Quan Sơn	Xây dựng
446	Lê Đăng Linh	08/6/1987	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Con TB	UBND huyện Ngọc Lặc	Xây dựng
447	Nguyễn Thị Hoàng Mai	07/10/1988	Nữ	Kinh	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Thạch Thành	Xây dựng
448	Trần Hà Nam	16/10/1986	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	8.3.5	Văn phòng		Sở Xây dựng	Xây dựng
449	Vi Văn Sao	01/6/1985	Nam	Thái	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS	UBND huyện Bá Thước	Xây dựng
450	Nguyễn Ngọc Sơn	23/8/1990	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Hoằng Hóa	Xây dựng
451	Nguyễn Ngọc Sơn	19/9/1988	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Ngọc Lặc	Xây dựng

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
452	Nguyễn Công Thắng	05/8/1989	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Nông Cống	Xây dựng
453	Trịnh Ngọc Thắng	05/01/1994	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Hà Trung	Xây dựng
454	Cao Văn Thành	03/6/1985	Nam	Thái	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS	UBND huyện Bá Thước	Xây dựng
455	Lê Văn Thành	10/6/1991	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Ngọc Lặc	Xây dựng
456	Nguyễn Đức Trung	05/6/1989	Nam	Kinh	Quản lý Xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Bá Thước	Xây dựng
457	Bùi Anh Tuấn	04/5/1985	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Nông Cống	Xây dựng
458	Trương Văn Tùng	12/5/1990	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		UBND huyện Hoằng Hóa	Xây dựng
459	Hà Văn Tuyền	01/6/1991	Nam	Thái	Quản lý xây dựng	23.2.27	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Người DTTS	UBND huyện Quan Sơn	Xây dựng
460	Mai Văn An	12/10/1992	Nam	Kinh	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải		Sở GTVT	Giao thông
461	Lê Quốc Bảo	09/5/1986	Nam	Kinh	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải		Sở GTVT	Giao thông
462	Nguyễn Thái Bình	12/12/1988	Nam	Kinh	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị		UBND TP Sầm Sơn	Giao thông
463	Trương Thị Hà	28/12/1992	Nữ	Kinh	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải		Sở GTVT	Giao thông
464	Phạm Thị Hiếu	25/9/1996	Nữ	Kinh	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải		Sở GTVT	Giao thông
465	Đỗ Công Liêm	05/7/1984	Nam	Kinh	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị	Con TB	UBND TP Sầm Sơn	Giao thông

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
466	Phạm Thành Long	13/02/1978	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	7.3.5	Văn phòng		Sở GTVT	Giao thông
467	Mai Văn Phương	14/4/1979	Nam	Kinh	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải	Con của người HĐKC bị nhiễm chất độc HH	Sở GTVT	Giao thông
468	Nguyễn Văn Thắng	04/5/1985	Nam	Kinh	Quản lý giao thông vận tải	23.2.26	Phòng Kinh tế & Hạ tầng		UBND huyện Nga Sơn	Giao thông
469	Hoàng Vũ Thạo	06/4/1988	Nam	Kinh	Quản lý hạ tầng giao thông	7.2.3	Phòng Quản lý giao thông		Sở GTVT	Giao thông
470	Trần Văn Tiến	15/02/1989	Nam	Kinh	Quản lý giao thông vận tải	24.2.24	Phòng Quản lý đô thị		UBND TP Sầm Sơn	Giao thông
471	Nguyễn Xuân Việt	11/01/1992	Nam	Kinh	Quản lý vận tải	7.2.5	Phòng quản lý vận tải		Sở GTVT	Giao thông

TỔNG SỐ THÍ SINH: 44

DANH SÁCH THÍ SINH THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH: LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI; THANH TRA
PHÒNG THI SỐ 20

(Kèm theo Thông báo số 657 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính năm 2019)

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
472	Trương Sơn Anh	19/12/1996	Nam	Kinh	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
473	Ngô Việt Anh	29/4/1992	Nam	Kinh	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
474	Nguyễn Bá Điệp	09/9/1991	Nam	Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Hậu Lộc	Lao động TB&XH
475	Lưu Ngọc Hân	21/02/1989	Nữ	Kinh	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
476	Lò Thị Hằng	12/7/1997	Nữ	Thái	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH	Người DTTS	UBND huyện Thường Xuân	Lao động TB&XH
477	Mai Thị Hiền	22/02/1984	Nữ	Kinh	Quản lý Kế hoạch - Thống kê	17.2.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
478	Lê Thị Thu Hiền	10/5/1995	Nữ	Kinh	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
479	Hà Thị Hoài	08/10/1992	Nữ	Thái	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH	Người DTTS	UBND huyện Thường Xuân	Lao động TB&XH
480	Mai Quốc Hữu	05/8/1991	Nam	Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Hậu Lộc	Lao động TB&XH
481	Lê Thùy Linh	27/8/1997	Nữ	Kinh	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
482	Lưu Thị Linh	02/6/1990	Nữ	Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Hậu Lộc	Lao động TB&XH

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
483	Nguyễn Thị Nga	16/12/1991	Nữ	Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Hậu Lộc	Lao động TB&XH
484	Hoàng Thái Ngân	25/3/1990	Nữ	Kinh	Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	23.2.33	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Bá Thước	Lao động TB&XH
485	Phạm Thị Kim Ngân	31/7/1994	Nữ	Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Hậu Lộc	Lao động TB&XH
486	Nguyễn Thị Nhạn	23/12/1995	Nữ	Kinh	Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	23.2.33	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Bá Thước	Lao động TB&XH
487	Đỗ Văn Nhất	31/8/1996	Nam	Kinh	Phòng, chống tệ nạn xã hội	17.2.14	Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
488	Phan Thị Hồng Nhung	20/10/1985	Nữ	Kinh	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
489	Lê Minh Oanh	11/01/1996	Nữ	Kinh	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
490	Hà Thị Phượng	31/3/1995	Nữ	Thái	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH	Người DTTS	UBND huyện Thường Xuân	Lao động TB&XH
491	Phạm Minh Quang	05/3/1992	Nam	Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Hậu Lộc	Lao động TB&XH
492	Phạm Ngọc Sơn	02/01/1992	Nam	Mường	Quản lý về lao động việc làm và dạy nghề	23.2.33	Phòng Lao động - TB&XH	Người DTTS	UBND huyện Bá Thước	Lao động TB&XH
493	Lê Xuân Sơn	26/3/1997	Nam	Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Hậu Lộc	Lao động TB&XH
494	Lê Thị Tâm	10/5/1992	Nữ	Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Hậu Lộc	Lao động TB&XH
495	Lê Thị Phương Thảo	09/11/1993	Nữ	Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	23.2.35	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Hậu Lộc	Lao động TB&XH
496	Nguyễn Phương Thảo	28/12/1997	Nữ	Kinh	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
497	Lê Thị Thảo	12/8/1995	Nữ	Kinh	Thực hiện chính sách người có công	23.2.34	Phòng Lao động - TB&XH		UBND huyện Thường Xuân	Lao động TB&XH

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Phòng, ban, chi cục đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành dự thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
498	Nguyễn Thị Thúy	10/10/1991	Nữ	Kinh	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
499	Nguyễn Minh Trang	31/01/1996	Nữ	Kinh	Phòng, chống tệ nạn xã hội	17.2.14	Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
500	Nguyễn Thu Trang	29/8/1993	Nữ	Kinh	Quản lý tiền lương	17.2.3	Phòng Lao động - Việc làm		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
501	Lê Nguyễn Trọng Xuân	05/11/1989	Nam	Kinh	Hành chính tổng hợp	17.3.2	Văn phòng		Sở LĐ-TB&XH	Lao động TB&XH
502	Hà Thị Ánh	04/10/1994	Nữ	Thái	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh tra
503	Phạm Thị Thu Hà	05/9/1988	Nữ	Mường	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh tra
504	Hà Thị Loan	26/3/1995	Nữ	Mường	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh tra
505	Cầm Thị Quỳnh Như	27/4/1994	Nữ	Thái	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh tra
506	Lê Thị Quy	13/10/1988	Nữ	Kinh	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra		UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh tra
507	Phạm Thị Huyền Trang	08/7/1991	Nữ	Mường	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh tra
508	Lê Vũ Minh Trang	03/12/1997	Nữ	Kinh	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra		UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh tra
509	Lê Thị Trang	28/02/1996	Nữ	Kinh	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra		UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh tra
510	Phạm Thị Vui	19/11/1992	Nữ	Mường	Thanh tra	23.2.55	Phòng Thanh tra	Người DTTS	UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh tra

TỔNG SỐ THÍ SINH: 39